

Bản án số: 186/2024/HS-ST

Ngày : 02 – 7 – 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Anh.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận _ Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 02/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 133/2024/HSST ngày 16/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/QĐXXST-HS ngày 21/6/2024 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Đồng Hữu T**; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 14 tháng 3 năm 1984, tại tỉnh Đắk Lắk; Trú tại: Số xe đường K, phường C, thành phố B, Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: Số 316/5/22 đường T, tổ dân phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên cha: Đồng Tấn T, sinh năm: 1954; Họ và tên mẹ: Hồ Thị Kim L sinh năm: 1954; Bị cáo có vợ là Đỗ Thị H, sinh năm: 1983; Bị cáo có 01 con, sinh năm: 2009; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/10/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Bùi Xuân H**; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 26 tháng 6 năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk; Trú tại: 316/5/17 Đường T, tổ dân phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện tại: 316/5/17 Đường T, tổ dân phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Họ và tên cha: Bùi Văn B, sinh năm: 1968; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1968; Bị cáo có vợ là Hà Thảo G, sinh năm: 2001; Bị cáo có 01 con, sinh năm: 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/10/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Đồng Hữu T:** Ông Nguyễn Đức D (Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số xxx đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

*** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đồng Hữu T:** Bà Đỗ Thị H – sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: 47/01 Đường K, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị hại:**

1. Ông Bùi Văn B – sinh năm: 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: 316/5/17 Đường T, tổ dân phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Đồng Hữu T – sinh năm: 1984 (Có mặt).

Trú tại: 47/01 Đường K, phường C, thành phố B, Đắk Lắk.

*** Người đại diện hợp pháp của bị hại Đồng Hữu T:** Bà Đỗ Thị H; sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: 47/01 Đường K, phường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Bùi Xuân H1; sinh năm: 1985 (CÓ mặt).

Địa chỉ: 316/5/5 Đường T, tổ dân phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Hà Thị C – sinh năm: 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 316/5/5 Đường T, tổ dân phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Nguyễn Thị N; sinh năm: 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: 316/5/17 Đường T, tổ dân phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 03/7/2023, sau khi uống rượu ở nhà tại địa chỉ: 316/5/22 Đường T, tổ dân phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Đồng Hữu T điều khiển xe mô tô đi mua đồ ăn rồi quay về. Khi về đến hẻm 316/5 Đường T, tổ dân phố 10, phường A, thành phố B thì gặp chị Hà Thị C điều khiển xe mô tô chở theo chồng là anh Bùi Xuân H1 (sinh năm 1985, cùng trú tại: 316/5/5 Đường T, tổ dân phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk)

đi ngược chiều với T. Chị C bật đèn pha của xe mô tô gây chói mắt T nên T bức tức, rời ra hiệu cho chị C dừng xe lại. Lúc này, T xảy ra mâu thuẫn cãi nhau với chị C và H1 nhưng được mọi người can ngăn nên ra về. Do nghe thấy tiếng ồn ào, cãi nhau, ông Bùi Văn B (anh trai của H1) và vợ là bà Nguyễn Thị N (Cùng trú tại: 316/5/17 Đường T, tổ dân phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) cùng nhau đi qua nhà H1 thì nghe H1 kể lại sự việc bị T chửi bới, dọa đánh. Bức tức về việc T chửi và dọa đánh H1 nên khi đi về Ng qua nhà T thì ông B đứng lại chửi T. Nghe thấy tiếng ông B chửi mình, T chạy ra. Lúc này, giữa ông B và T xảy ra mâu thuẫn cãi vã và dùng tay đấm, chân đá vào người và mặt nhau. Do bị ông B đấm đau, T chạy vào nhà lấy 01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, có mũi nhọn dài 30cm rồi cầm dao chạy ra để tiếp tục đánh nhau với ông B. T cầm dao bằng tay phải rồi quơ qua quơ lại về phía ông B thì ông B lao vào ôm và vật T ngã xuống nền đường, tay phải T vẫn đang cầm dao và vật lộn với ông B gây ra thương tích ở cánh tay phải của ông B chảy máu. Lúc này, H1 chạy đến giằng con dao từ tay T ra, T dùng tay đấm vào mặt và dùng chân đạp vào người ông B thì H1 dùng chân đá vào mặt T và được mọi người vào can ngăn. Bà N đỡ ông B đi vào nhà, thấy ông B bị thương tích ở cánh tay phải chảy nhiều máu nên bà N nói với con gái là Bùi Thị Tuyết M (Sinh năm 1996, trú tại: Thôn An Phú, xã Ea Drong, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk) đi lấy bông băng để băng bó vết thương cho ông B.

Tại thời điểm này, Bùi Xuân H (là con trai của ông B) đang ngủ trong nhà nghe bà N và M nói chuyện về việc ông B bị chém nên H bức tức, lấy 01 cây kim loại dạng ống, có một đầu được đập dẹp dài 50cm cầm bằng tay trái rồi chạy ra cổng nhà. Do cổng đã bị khoá, H leo hàng rào ra bên ngoài rồi chạy đến trước nhà T rồi lớn tiếng “thằng nào chém Ba tao”. Lúc này, T đang ngồi ngoài đường đối diện cổng nhà (sau lưng H) trả lời “tao nè”. Nghe vậy, H quay người lại thì nhìn thấy T đang ngồi nên H chạy đến, vung cây gậy lên cao đánh vào người của T theo hướng từ trên xuống dưới làm trúng vào vùng đỉnh đầu của T 02 cái gây thương tích chảy máu. Thấy vậy, mọi người chạy đến can ngăn rồi đưa T đến Bệnh viện Đa khoa Thiện H để cấp cứu.

* Về thương tích của Đồng Hữu T: Tại bản Kết luận giám định pháp y số 325/TgT- TTPY, ngày 20/7/2023 của T tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đồng Hữu T tại thời điểm giám định là: 11% (Mười một phần trăm). Cụ thể:

+ Chấn thương phần mềm: Sung bầm mắt phải, gò má phải tại thời điểm giám định đã lành không để lại sẹo, không làm biến đổi sắc tố da.

+ Vết thương để lại sẹo nằm hơi chéo vùng giữa đỉnh hơi lệch trái, cách đường chân tóc trán 7cm, bờ đều, gọn, không dính da xung quanh sẹo, kích thước (4 x 0,1)cm, tỷ lệ: 1% (Một phần trăm)

+ Vết thương để lại sẹo vùng đỉnh trái hơi cong mở xuống dưới, cách đường giữa đỉnh 7,5cm, cách vành tai trái 6,5cm, bờ đều, gọn, không dính da xung quanh sẹo, kích thước (7 x 0,2)cm, tỷ lệ: 2% (Hai phần trăm)

+ Gãy thành trước xoang hàm phải, sàn ổ mắt phải, tỷ lệ: 8% (Tám phần trăm)

* Về thương tích của Bùi Văn B Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 328/TgT- TTPY, ngày 21/7/2023 của T tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Văn B tại thời điểm giám định là: 13% (Mười ba phần trăm). Cụ thể:

+ Vết thương để lại sẹo nằm chéo mặt trước 1/3 dưới cánh tay phải, kích thước: 5cm x 0,1cm, tỷ lệ: 1% (Một phần trăm).

+ Gãy thành trước xoang hàm trái, tỷ lệ: 7% (Bảy phần trăm).

+ Gãy sàn hốc mắt trái, tỷ lệ: 5% (Năm phần trăm).

Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 32/KLGD, ngày 05/02/2024 của T tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên, kết luận: Tại thời điểm trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 03/7/2023 và hiện tại (tại thời điểm giám định) Đồng Hữu T bị bệnh: Rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng rượu. Tại thời điểm trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 03/7/2023 và hiện tại (tại thời điểm giám định) Đồng Hữu T: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại Bản cáo trạng số 147/CT-VKS ngày 15/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo Đồng Hữu T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Bùi Xuân H về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và Bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Đồng Hữu T, người đại diện hợp pháp của Đồng Hữu T là bà Đỗ Thị H có đơn và đề nghị xin rút yêu cầu khởi tố đối với Bùi Xuân H về hành vi “Cố ý gây thương tích” cho Đồng Hữu T.

Quá trình tranh tụng, qua đánh giá toàn diện các tài liệu chứng cứ đã được thu thập, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 2 Điều 155, khoản 1 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án đối với bị cáo Bùi Xuân H.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Đồng Hữu T mức án từ 24 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự.

+ Đề nghị tịch thu tiêu huỷ 01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, có mũi nhọn, dài 30cm của Đồng Hữu T và 01 cây kim loại dạng ống, có một đầu được đập dẹp dài 50cm của Bùi Xuân H.

+ Về phần dân sự của vụ án: Đề nghị chấp nhận việc: Bùi Xuân H và tự nguyện bồi thường cho bị can Đồng Hữu T số tiền 20.000.000 đồng. Đồng Hữu T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Bùi Văn B số tiền 15.000.000 đồng.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì đối với hành vi đã thực hiện, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và khiếu nại về các quyết định và hành vi tố tụng đó. Do vậy, quyết định và hành vi tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Đồng Hữu T vắng mặt, bị cáo Đồng Hữu T và người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Đỗ Thị H đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người bào chữa. Căn cứ khoản 1 Điều 291 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Căn cứ vào quá trình tranh tụng tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để khẳng định:

Vào khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 03/7/2023, tại hẻm 316/5 Đường T, tổ dân phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do mâu thuẫn cá nhân, Bùi Văn B và Bùi Xuân H1 có hành vi dùng tay, chân đấm, đá vào vùng mặt và người anh Đồng Hữu T gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08% (Tám phần trăm); đồng thời Đồng Hữu T dùng tay chân đấm đá và dùng 01 con dao (cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, có mũi nhọn, dài 30cm) gây thương tích cho ông Bùi Văn B với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13% (Mười ba phần trăm). Khoảng 05 phút sau, Bùi Xuân H nghe kê lại sự việc thì đến tìm Đồng Hữu T rồi sử dụng 01 cây kim loại (dạng ống, có một đầu được đập dẹp, dài 50cm) đánh 02 cái trúng vào vùng đầu T gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03% (Ba phần trăm).

Hành vi của bị cáo Đồng Hữu T đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (điểm a, Khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Bùi Xuân H đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm...;

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại và gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng sức khỏe của con người là vốn quý và được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đều bị trừng trị một cách thích đáng. Xong xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo thì mới phát huy được tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Đối với bị cáo Bùi Xuân H, quá trình giải quyết vụ án, Đồng Hữu T và người đại diện của Đồng Hữu T có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Bùi Xuân H. Tại phiên tòa, Đồng Hữu T và bà Đỗ Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị rút yêu cầu khởi tố nêu trên. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi tố theo yêu cầu của người bị hại là tự nguyện, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án đối với bị cáo Bùi Xuân H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 155, khoản 1 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[4] Đối với bị cáo Đồng Hữu T, bị cáo không có tình tiết tang nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục, bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; bố bị cáo là thương binh. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, nhận thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, tập T nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, việc cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục và tạo điều kiện để bị cáo có cơ hội phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội nên cần chấp nhận.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, có mũi nhọn, dài 30cm của Đồng Hữu T và 01 cây kim loại dạng ống, có một đầu được đập dẹp dài 50cm của Bùi Xuân H; các vật chứng trên là hung khí được các bị cáo dùng gây thương tích cho người bị hại và giá trị sử dụng không còn nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về phân trách nhiệm dân sự của vụ án: Quá trình điều tra, Bùi Xuân H và gia đình ông Bùi Văn B đã tự nguyện bồi thường cho bị can Đồng Hữu T số tiền 20.000.000 đồng. Đồng Hữu T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Bùi Văn B số tiền 15.000.000 đồng. Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Xét thấy việc thoả thuận bồi thường là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[6] Các nội dung khác:

Đối với ông Bùi Văn B và anh Bùi Xuân H1 có hành vi dùng tay, chân đâm, đá vào vùng mặt và người anh Đồng Hữu T gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08% (Tám phần trăm), không cấu thành tội Cố ý gây thương tích mà phạm vào hành vi Cố ý gây thương tích cho người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm a, Khoản 5, Điều 7, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chuyển hồ sơ có liên quan, đề nghị Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Bùi Văn B và Bùi Xuân H1 là phù hợp.

[7] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Áp dụng khoản 2 Điều 155, khoản 1 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với bị cáo Bùi Xuân H.

[2] Tuyên bố: Bị cáo Đồng Hữu T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 (điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Đồng Hữu T 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án.

- Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về xử lý vật chứng và bồi thường thiệt hại: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 con dao cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, có mũi nhọn, dài 30cm và 01 cây kim loại dạng ống, có một đầu được đập dẹp dài 50cm.

+ Chấp nhận Bùi Xuân H và gia đình ông Bùi Xuân B tự nguyện bồi thường cho Đồng Hữu T số tiền 20.000.000 đồng. Chấp nhận bị cáo Đồng Hữu T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Bùi Văn B số tiền 15.000.000 đồng.

(Vật chứng hiện đang lưu trữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/5/2024 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột).

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đồng Hữu T phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I;
- VKSND TP.BMT; Công an TP.BMT;
- CCTHA DSTP.BMT, THA phạt tù;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Chánh án; Lưu: HS, VP

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải An